

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 07 tháng 4 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 07/2021/TLST-KDTM ngày 04 tháng 01 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N

Trụ sở: Số 2 đường L, phường T, quận B, thành phố H; Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T - Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trịnh Xuân L - Phó giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng N chi nhánh Đông Anh; Người đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Xuân L: Ông Trần Văn M - Phó giám đốc Ngân hàng N chi nhánh Đông Anh; Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Lê Quang T - Giám đốc phòng giao dịch Liên Hà, Ngân hàng N chi nhánh Đông Anh theo Giấy ủy quyền số 30/UQ-NHNo.ĐA ngày 11/01/2021.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 198x và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 198x; Cùng trú tại: Thôn T, xã V, huyện Đ, thành phố H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Cụ Nguyễn Thị Ch, sinh năm 193x (bà nội anh C).
2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 195x (bố anh C).
3. Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 196x (mẹ anh C).
4. Cháu Nguyễn Anh Th, sinh năm 201x (con anh C, chị T).
5. Cháu Nguyễn Diệu L, sinh năm 201x (con anh C, chị T).
6. Cháu Nguyễn Văn Hoài N, sinh năm 201x (con anh C, chị T).

Cùng trú tại: Thôn T, xã V, huyện Đ, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Th, cháu L, cháu N là anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T; Người đại diện theo ủy quyền của cụ C, ông T, bà P là chị Nguyễn Thị T.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về số tiền phải thanh toán:

Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T và Ngân hàng N xác nhận tính đến hết ngày 06/4/2021, anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T còn nợ Ngân hàng N tổng số tiền là: 3.622.069.794 đồng (Ba tỷ, sáu trăm hai mươi hai triệu, không trăm sáu mươi chín nghìn, bảy trăm chín mươi tư đồng); Trong đó, nợ gốc là 3.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 279.264.315, nợ lãi quá hạn là 342.805.479 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201802585 ngày 14/5/2018, Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 28/5/2019 và các giấy nhận nợ: Số 3140LDS201816111 ngày 19/11/2018; Số 3140LDS201817351 ngày 10/12/2018; Số 3140LDS201900109 ngày 03/01/2019; Số 3140LDS201902411 ngày 18/02/2019; Số 3140LDS201902761 ngày 27/02/2019; Số 3140LDS201903546 ngày 15/3/2019; Số 3140LDS201904499 ngày 01/4/2019; Số 3140LDS201905166 ngày 11/4/2019; Số 3140LDS201905521 ngày 18/4/2019; Số 3140LDS201906342 ngày 07/5/2019; Số 3140LDS2019067737 ngày 14/5/2019.

Về phương thức trả nợ:

Đến hạn cuối cùng là ngày 30/4/2023, anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T phải trả toàn bộ số tiền nợ là 3.622.069.794 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc là 3.000.000.000 đồng kể từ ngày 07/4/2021 đến khi thanh toán xong khoản nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 3140-LAV-201802585 ngày 14/5/2018, Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 28/5/2019 và các giấy nhận nợ: Số 3140LDS201816111 ngày 19/11/2018; Số 3140LDS201817351 ngày 10/12/2018; Số 3140LDS201900109 ngày 03/01/2019; Số 3140LDS201902411 ngày 18/02/2019; Số 3140LDS201902761 ngày 27/02/2019; Số 3140LDS201903546 ngày 15/3/2019; Số 3140LDS201904499 ngày 01/4/2019; Số 3140LDS201905166 ngày 11/4/2019; Số 3140LDS201905521 ngày 18/4/2019; Số 3140LDS201906342 ngày 07/5/2019; Số 3140LDS2019067737 ngày 14/5/2019 cho Ngân hàng N theo lộ trình cụ thể sau:

- Tháng 5, 6, 7 năm 2021, mỗi tháng anh C, chị T phải trả Ngân hàng N số tiền tối thiểu là 10.000.000 đồng, trả vào ngày 28 hàng tháng.

- Tháng 8, 9, 10 năm 2021, mỗi tháng anh C, chị T phải trả Ngân hàng N số tiền tối thiểu là 20.000.000 đồng, trả vào ngày 28 hàng tháng.

- Tháng 11, 12 năm 2021 và tháng 01, 02, 3, 4 năm 2022 mỗi tháng anh C, chị T phải trả Ngân hàng N số tiền tối thiểu là 50.000.000 đồng, trả vào ngày 28 hàng tháng.

- Tháng 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 năm 2022 và tháng 01, 02, 3 năm 2023 mỗi tháng anh C, chị T phải trả Ngân hàng N số tiền tối thiểu là 100.000.000 đồng, trả vào ngày 28 hàng tháng.

- Ngày 30/4/2023, anh C, chị T phải trả toàn bộ số tiền nợ còn lại cho Ngân hàng N.

- Toàn bộ số tiền anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T trả cho Ngân hàng N sẽ được thu vào tiền nợ gốc, sau khi thu hết tiền nợ gốc mới được thu vào tiền nợ lãi.

Về thực hiện nghĩa vụ đảm bảo: Trường hợp anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T vi phạm bất kỳ kỳ trả nợ nào theo thỏa thuận trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 115A; tờ bản đồ số 02 tại địa chỉ: Thôn T, xã V, huyện Đ, thành phố H đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO388780, sổ vào sổ cấp GCN: 1931.QĐ.UBND.2013.CH.00147.2013 do Ủy ban nhân dân huyện Đông Anh cấp ngày 01/7/2013 đứng tên anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T đối với Ngân hàng N. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng N.

Các bên thống nhất anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật là: 52.221.000 đồng (Năm mươi hai triệu, hai trăm hai mươi một nghìn đồng). Trả lại Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 51.312.000 đồng (Năm mươi một triệu, ba trăm mười hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số AA/2019/0008672 ngày 30/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Anh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đông Anh;
- Chi cục THADS huyện Đông Anh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
Cao Anh Tuấn
(Đã ký)

